TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2022/HNGĐ-ST
Ngày 29/3/2022
"V/v TrA chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng A Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Ngọc Nghĩa và ông Phạm Văn Miền.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn ThA Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 132/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/02/2022; Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa số: 108/TB-TA ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: A Trần Quang N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và A Trần Quang N có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 21/9/2002.

Sau khi kết hôn, chị H và A N chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do A N không lo làm ăn, còn thường xuyên chửi bới, đánh đập, đe dọa chị H. Vợ chồng thường xảy ra cãi vã, cuộc sống chung không hòa thuận, không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân khoảng gần một năm nay, chị H không còn tình cảm với A N nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với A N.

Về con chung: Chị H và A N có 03 con chung tên: Trần Ngọc A, sinh ngày 17/02/2003; Trần Lan A, sinh ngày 25/5/2005 và Trần Thị Châu A, sinh ngày 20/12/2012.

Cháu Trần Ngọc A, sinh ngày 17/02/2003 đã thành niên và tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi dưỡng.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lan A, sinh ngày 25/5/2005 và Trần Thị Châu A, sinh ngày 20/12/2012 cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị H không yêu cầu A N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn, A Trần Quang N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: A Trần Quang N và chị Phạm Thị H có trải qua thời gian tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên vào ngày 21/9/2002.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng A có xảy ra mâu thuẫn nhưng cũng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ, không tới mức phải ly hôn. Vợ chồng ly hôn sẽ ảnh hưởng tới con nên A N không nhất trí ly hôn với chị H.

Về con chung: A N và chị H có 03 con chung tên: Trần Ngọc A, sinh ngày 17/02/2003; Trần Lan A, sinh ngày 25/5/2005 và Trần Thị Châu A, sinh ngày 20/12/2012.

A N không nhất trí ly hôn nên A không có ý kiến gì về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: A Trần Quang N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị H và A Trần Quang N là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau được một thời gian thì chị H và A N phát sinh

mâu thuẫn, chị H không còn tình cảm với A N, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng A, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị H không còn yêu thương A N, không còn mong muốn chung sống cùng A N nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

Về con chung: Cháu Trần Ngọc A đã thành niên và tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi dưỡng. Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lan A và cháu Trần Thị Châu A cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị H không yêu cầu A N cấp dưỡng nuôi con. A Trần Quang N không có ý kiến về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Cháu Trần Lan A và Trần Thị Châu A đều có nguyện vọng được sống cùng chị H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cả 02 cháu Trần Lan A và Trần Thị Châu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. A N không phải cấp dưỡng nuôi cháu Trần Lan A và cháu Trần Thị Châu A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với A Trần Quang N có địa chỉ tại: tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "TrA chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, A Trần Quang N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và A Trần Quang N qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Vì vậy, hôn nhân giữa chị H và A N là hợp pháp theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống với A N, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với A N. Nhưng A N cho rằng mâu thuẫn giữa A và chị H chưa tới mức phải ly hôn nên A N không nhất trí ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị H và A N không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị H không còn yêu thương A N, không còn mong muốn chung sống cùng A N nữa. Như vậy, chị H và A N đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, A N được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, mặc dù A N không muốn ly hôn với chị H nhưng A N không tham gia tham gia phiên tòa, trong thời gian sống ly thân, A N không có động thái thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, việc chị H yêu cầu ly hôn với A N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị H và A Trần Quang N đều thừa nhận có 03 con chung tên là: Trần Ngọc A, sinh ngày 17/02/2003; Trần Lan A, sinh ngày 25/5/2005 và Trần Thị Châu A, sinh ngày 20/12/2012.

Cháu Trần Ngọc A đã thành niên và tự lập được nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nguyện vọng của cháu Trần Lan A và Trần Thị Châu A đều mong muốn được sống cùng chị H.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 cháu Trần Lan A và Trần Thị Châu A. Quá trình giải quyết vụ án, A Trần Quang N không có ý kiến thể hiện nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cháu Trần Lan A và cháu Trần Thị Châu A. Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu Trần Lan A và Trần Thị Châu A đang còn nhỏ, là con gái, cần có sự chăm sóc của người mẹ, A N không thể hiện có nguyện vọng nuôi dưỡng các cháu, chị H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các cháu. Do đó, cần giao cháu Trần Lan A và cháu Trần Thị Châu A cho chị H nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu A N phải cấp dưỡng nuôi con chung và A N cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và A N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với A Trần Quang N.

2. Về con chung: Giao cả 02 cháu Trần Lan A, sinh ngày 25/5/2005 và Trần Thị Châu A, sinh ngày 20/12/2012 cho chị Phạm Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

A Trần Quang N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006536 ngày 18/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G. Chị H đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2022), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã Đại Tập, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng A Việt